CÔNG TY CỔ PHẦN DP BAYER PHARM

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DP BAYER PHARM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DP BAYER PHARM JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: DP BAYER PHARM., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108266333

3. Ngày thành lập: 09/05/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 368 đường Bưởi, Phường Vĩnh Phúc, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: *0974513703* Fax:

Email: *thutrang021090@gmail.com* Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	*4290*
2.	Phá dỡ	*4311*
3.	Chuẩn bị mặt bằng	*4312*
4.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ đấu giá)	*4511*
5.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống) (trừ đấu giá)	*4512*
6.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Đại lý ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống) Đại lý xe có động cơ khác	*4513*
7.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	*4520*
8.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	*4530*
9.	Bán mô tô, xe máy Chi tiết: Bán buôn mô tô, xe máy Bán lẻ mô tô, xe máy Đại lý mô tô, xe máy	*4541*
10.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	*4542*

11.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy Chi tiết: Bán buôn các loại phụ tùng, bộ phận, linh kiện rời của mô tô, xe máy như: săm, lốp, cốp, yếm xe, ắc quy, bugi, đèn, các phụ tùng điện	*4543*
12.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý	*4610*
13.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	*1062*
14.	Sản xuất các loại bánh từ bột	*1071*
15.	Sản xuất đường	*1072*
16.	Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo	*1073*
17.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	*1074*
18.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	*1075*
19.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thuỷ sản	*1080*
20.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	*1101*
21.	Sản xuất rượu vang	*1102*
22.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	*1103*
23.	Hoàn thiện công trình xây dựng	*4330*
24.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	*4390*
25.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	*4620*
26.	Bán buôn gạo	*4631*
27.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Kinh doanh thực phẩm chức năng Bán buôn chè	*4632(Chính)*
28.	Bán buôn đồ uống	*4633*
29.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	*4634*
30.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	*4641*
31.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao	*4649*
32.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	*4651*
33.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	*4652*
34.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	*4653*

35.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Bán buôn máy móc, thiết bị y tế Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường	*4659*
36.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	*4661*
37.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ vàng miếng)	*4662*
38.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	*4663*
39.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại Bán buôn cao su	*4669*
40.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	*4711*
41.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	*4722*
42.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	*4752*
43.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	*4753*
44.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	*4759*
45.	Vận tải hành khách đường bộ khác	*4932*
46.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	*4933*
47.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	*7920*
48.	Vệ sinh chung nhà cửa	*8121*
49.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	*8129*
50.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	*8230*
51.	Dịch vụ đóng gói	*8292*
52.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	*8560*

53.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	*9523*
54.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	*8299*
55.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	*3822*
56.	Xây dựng nhà các loại	*4100*
57.	Lắp đặt hệ thống điện	*4321*
58.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	*4322*
59.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	*4329*
60.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	*4764*
61.	Đại lý du lịch	*7911*
62.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	*8130*
63.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	*9521*
64.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	*9522*
65.	Điều hành tua du lịch	*7912*
66.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	*5210*
67.	Bốc xếp hàng hóa	*5224*
68.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	*5510*
69.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	*5610*
70.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	*5621*
71.	Dịch vụ ăn uống khác	*5629*
72.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	*5630*
73.	Xuất bản phần mềm	*5820*
74.	Hoạt động tư vấn quản lý	*7020*
75.	Quảng cáo	*7310*
76.	Cho thuê xe có động cơ	*7710*
77.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính)	*7730*
78.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	*9524*
79.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	*9620*
80.	Bán buôn tổng hợp	*4690*
81.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất	*7410*
82.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	*1104*
83.	Sản xuất sản phẩm thuốc lá	*1200*
84.	Sản xuất sợi	*1311*

85.	Sản xuất vải dệt thoi	*1312*
86.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	*1313*
87.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	*1321*
88.	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)	*1322*
89.	Sản xuất thảm, chăn đệm	*1323*
90.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	*1324*
91.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	*1410*
92.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	*1420*
93.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	*1430*
94.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	*1511*
95.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	*1512*
96.	Sản xuất giày dép	*1520*
97.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	*1610*
98.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	*1621*
99.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	*1622*
100.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	*1623*
101.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	*1629*
102.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	*1701*
103.	Sản xuất giấy nhăn, bìa nhăn, bao bì từ giấy và bìa	*1702*
104.	In ấn	*1811*
105.	Thu gom rác thải không độc hại	*3811*
106.	Thu gom rác thải độc hại	*3812*
107.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	*3821*
108.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	*4210*
109.	Xây dựng công trình công ích	*4220*

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	DƯƠNG THỊ TRANG	Xóm 14, Xã Đồng Hướng, Huyện Kim Sơn, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	125.000	1.250.000.000	25,000	164358721	
			Tổng số	125.000	1.250.000.000	25,000		
2	NGUYỄN ĐĂNG HÀ	Thôn Tân Kết, Xã Đức Thắng, Huyện Hiệp Hoà, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	125.000	1.250.000.000	25,000	121601630	
			Tổng số	125.000	1.250.000.000	25,000		
3	DƯƠNG VĂN PHONG	Xóm 14, Xã Đồng Hướng, Huyện Kim Sơn, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	125.000	1.250.000.000	25,000	164333162	
			Tổng số	125.000	1.250.000.000	25,000		
4	PHAN VĂN TẤN	Xóm 6, Xã Thượng Kiệm, Huyện Kim Sơn, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	125.000	1.250.000.000	25,000	164326678	
			Tổng số	125.000	1.250.000.000	25,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần *(VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)*	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

***** Họ và tên: DƯƠNG THỊ TRANG Giới tính: *Nữ*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *02/10/1990* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *164358721*

Ngày cấp: *09/12/2005* Nơi cấp: *Công an Tỉnh Ninh Bình*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Xóm 14, Xã Đồng Hướng, Huyện Kim Sơn, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *P404 Nhà B11 khu TT Nghĩa Tân, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội